

Số: 460/2023/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 263/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Bà Đặng Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1993

Địa chỉ: 152/36/25D Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh

- Người yêu cầu: Ông Lại Tuấn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: 373/95/3 Đường A1, Phường B1, Quận C, TP. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017 do Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 thì bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông T khai có 01 con chung tên Lại Đặng Nhật N (giới tính: nữ), sinh ngày 27/11/2018. Ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T thuận tình ly hôn (Bà N và ông T kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn 71/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lại Đăng Nhật N (giới tính: nữ), sinh ngày 27/11/2018. Sau khi ly hôn, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Đặng Nguyễn Hoàng N và ông Lại Tuấn T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0009034 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND P.B1, Q.C, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Hiếu Thuận